Chi tiết mã HS 8472.90.41

Mã HS	8472.90.41
Mô tả hàng hóa	Máy văn phòng khác (ví dụ, máy nhân bản in keo hoặc máy nhân bản sử dụng giấy sáp, máy ghi địa chỉ, máy rút tiền giấy tự động, máy phân loại tiền kim loại, máy đếm hoặc đóng gói tiền kim loại, máy gọt bút chì, máy đột lỗ hoặc máy dập ghim) / - Loại khác: / - - Máy chữ trừ các loại máy in thuộc nhóm 84.43: / - - - Tự động
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 12:13:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84729041/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14353
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14353
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14353
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13696
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13637
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13637
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13637
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13637
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13637
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13637
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13691
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13691
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13691
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13691

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13691
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13691
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13692
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13692
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13692
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13692
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13692
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13692
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13695
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13643
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13651
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13651
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13651
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13651
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13651
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13651
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13682
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13682
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13682
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13682
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13682
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13682
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13731
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13731
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13731
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13731

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13731
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13731
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13714
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13714
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13714
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13714
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13714
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13714
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13714
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13714
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13714
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13714
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13714
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13714
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13729
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13729
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13729
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13729
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13729
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13729
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13728
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13728
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13728
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13728
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13728
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13728

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13708
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13708
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13708
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13708
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13708
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13708
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13708
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13716
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13716
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13716
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13716
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13716
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13716
RCEP B	2022	2022	0	B!D13716
RCEP B	2023	2023	0	B!E13716
RCEP B	2024	2024	0	B!F13716
RCEP B	2025	2025	0	B!G13716
RCEP B	2026	2026	0	B!H13716
RCEP B	2027	2027	0	B!I13716
RCEP C	2022	2022	0	C!D13716
RCEP C	2023	2023	0	C!E13716
RCEP C	2024	2024	0	C!F13716
RCEP C	2025	2025	0	C!G13716
RCEP C	2026	2026	0	C!H13716
RCEP C	2027	2027	0	C!I13716
RCEP D	2022	2022	0	D!D13715

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13715
RCEP D	2024	2024	0	D!F13715
RCEP D	2025	2025	0	D!G13715
RCEP D	2026	2026	0	D!H13715
RCEP D	2027	2027	0	D!I13715
RCEP E	2022	2022	0	E!D13719
RCEP E	2023	2023	0	E!E13719
RCEP E	2024	2024	0	E!F13719
RCEP E	2025	2025	0	E!G13719
RCEP E	2026	2026	0	E!H13719
RCEP E	2027	2027	0	E!I13719
RCEP F	2022	2022	0	F!D13716
RCEP F	2023	2023	0	F!E13716
RCEP F	2024	2024	0	F!F13716
RCEP F	2025	2025	0	F!G13716
RCEP F	2026	2026	0	F!H13716
RCEP F	2027	2027	0	F!I13716
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12732
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12732
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12732
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12732

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8472.90 có 6 dòng thuế; dòng 8472.90.41 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tự động.	8472.90.10 Máy thanh toán tiền tự động; 8472.90.49 Loại khác; 8472.90.50 Máy xử lý văn bản; 8472.90.60 Loại khác, hoạt động bằng điện; 8472.90.90 Loại khác, không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8472.90.41. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8472.90.41 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14353), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.